BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯ**ỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM NG Á Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN SINH VIỀN Học kỳ:...... Năm học: 20..... – 20.....

Họ tên:	Ngày sinh:
Khóa:Khoa/Viện:	Lớp:
TỔNG ĐIỂM:	(Do CVHT. lớp đánh giá)

Nội dung đánh giá	Điểm do SV tự	Điểm do CVHT,lớp
		đánh giá
I. Đánh giá về ý thức và kết quả học tập (Tính điểm thi lần 1). Tổng điểm	0 — 20 điểm	
1. Phần cộng điểm		
a. Kết quả học tập:		
- Điểm TBCHT theo tín chỉ từ 0.0 đến dưới 1.0. (+0đ))	
- Điểm TBCHT theo tín chỉ từ 1.0 đến dưới 1.5 (+5đ)		
- Điểm TBCHT theo tín chỉ từ 1.5 đến dưới 2.0 (+6đ))	
- Điểm TBCHT theo tín chỉ từ 2.0 đến dưới 2.5 (+7đ))	
- Điểm TBCHT theo tín chỉ từ 2.5 đến dưới 3.2 (+8đ))	
- Điểm TBCHT theo tín chỉ từ 3.2 đến dưới 3.5 (+9đ))	
- Điểm TBCHT theo tín chỉ từ 3.5 đến 4.0. (+10đ)		
b. Nghiên cứu khoa học, thi Olympic, Robocon và các cuộc thi khác:		
(Cộng 1 trong 2 điểm nếu có tham gia)		
- Tham gia không có giải: Nghiên cứu khoa học, thi Olympic, Robocon và các		
cuộc thi khác (có giấy xác nhận của khoa/viện kèm theo phiếu đánh giá)		
(+3đ)		
- Tham gia đạt giải: Nghiên cứu khoa học, Olympic, Robocon và các cuộc th	i	
khác đạt giải (có giấy xác nhận của khoa/viện kèm theo phiếu đánh giá)		
(+6đ)		
c. Việc thực hiện nội quy học tập, quy chế thi, kiểm tra		
- Không vi phạm quy chế thi, kiểm tra(+2đ)		
- Đi học đầy đủ, đúng giờ, thái độ học tập tích cực, đóng góp xây dựng bài		
trong lớp $(+2\mathfrak{d})$		
2. Phần trừ điểm		<u>I</u>
a. Đã đăng ký nhưng bỏ không tham gia nghiên cứu khoa học, thi Olympic,		
Robocon và các cuộc thi khác. (-5đ)		
b. Vi phạm quy chế thi. (-5đ/lần)	
c. Nghỉ học không lý do, đi học muộn. (-2đ/buổi)		+

Nội dung đánh giá		Điểm do CVHT,lớp đánh giá
d. Trong giờ học làm việc riêng: nghịch điện thoại, ngủ trong giờ. (-2đ/buỗi)		
CỘNG MỤC (I)		
II. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế của Trường. Tổng điểm	0 - 25 điểm	
1. Phần cộng điểm		
a. Chấp hành tốt nội quy, quy chế của Trường, không vi phạm kỷ luật. (+8đ)		
b. Chấp hành nội quy lớp học. (+7đ)		
c. Thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên đúng thời gian quy định.		
(+5đ)		
d. Tham gia tuần sinh hoạt công dân đầu khóa (đối với năm 1), hoặc tham gia		
đầy đủ các buổi họp lớp, sinh hoạt lớp đối với sinh viên các khóa. (+5đ)		
2. Phần trừ điểm	I	
a. Không thực hiện đúng nội quy, quy chế của Trường; vi phạm nội quy lớp		
học. (-5đ)		
b. Không đeo thẻ sinh viên trong khuôn viên trường. (-2đ/lần)		
c. Không tham gia buổi học tuần sinh hoạt công dân đầu khóa; không tham gia		
các buổi sinh hoạt lớp; không tham gia họp, hội nghị, tập huấn và các hoạt		
động khác khi nhà Trường, Đoàn Thanh niên, phòng ban, các khoa/viện yêu		
câu (-5 d /l a n)		
d. Đóng học phí không đúng quy định. (-5đ)		
e. Không thực hiện bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định:		
- Thiếu: Học bạ, bằng tốt nghiệp cấp 3, sơ yếu lý lịch. (-10đ/loại giấy tờ thiếu)		
- Thiếu: CCCD, giấy khai sinh. (-5đ/loại giấy tờ thiếu)		
(Trường hợp sinh viên đã làm Đơn xin nộp muộn giấy tờ bổ sung hồ sơ còn		
thiếu nhưng đến hạn ghi trong đơn vẫn chưa nộp thì phải có Giấy xác nhận		
chưa được cấp giấy tờ còn thiếu từ bên thứ 3).		
CỘNG MỤC (II)		
III. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, vă	ín nghệ, th	É thao,
phòng chống các tệ nạn xã hội. Tổng điểm từ 0 - 20 điểm		
1. Phần cộng điểm		
a. Tham gia hoạt động ngoại khóa hoặc hỗ trợ, cổ vũ cho các hoạt động văn		
hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao do lớp, khoa/viện, trường tổ chức. (+5đ)		
b. Tham gia sinh hoạt chi Đoàn, đại hội chi Đoàn. (+7 đ)		
c. Tham gia hội thao, hoặc các chương trình văn nghệ do khoa/viện, trường tổ		
chức. (+3đ)		
d. Tham gia đóng góp hoặc hỗ trợ hoạt động tình nguyện do lớp, khoa/viện,		
trường tổ chức. (+2đ)		

		Điệm do
Nội dung đánh giá		CVHT,lóp
,	đánh giá	đánh giá
e. Tham gia phòng chống, lên án các hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn trong		
trường học và ngoài xã hội. (+3đ)		
2. Phần trừ điểm		
a. Không tham gia hoạt động, sinh hoạt khi được phân công; không tham gia		
các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục – thể thao do Nhà trường và đoàn		
thể tổ chức. (-5đ/lần)		
b. Vi phạm các Quy định về văn hóa học đường cho sinh viên. (-5đ/lần)		
CỘNG MỤC (III)		
IV. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng. Tổng điểm t	ừ 0 - 25 đi	ểm
1. Phần cộng điểm		
a. Hoàn thành tốt nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật, thể hiện		
được phẩm chất của một công dân gương mẫu. (+5đ)		
b. Sinh viên hòa đồng, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè trong lớp, khoa/viện, trường		
cùng tiến bộ. Không chia rẽ bè phái, gây bất hòa, xích mích trong nội bộ, làm		
ảnh hưởng đến tinh thần đoàn kết tập thể. (+10đ)		
c. Tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện vì cộng đồng; phong		
trào thanh niên tình nguyện; phong trào giúp đỡ nhân dân và bạn bè khi gặp		
thiên tai, khó khăn, hoạn nạn; tham gia hiến máu nhân đạo. (+10đ)		
2. Phần trừ điểm		
a. Gây mất đoàn kết trong tập thể lớp. (-5đ)		
b. Sinh viên vi phạm các quy định của pháp luật, nhà nước; gây gổ, đánh nhau		
trong trường học; có hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự người khác:		
Trừ điểm rèn luyện xuống mức xếp loại rèn luyện loại (Kém)		
(Tổng điểm rèn luyện của học kỳ đánh giá tối đa đạt 34 điểm).		
CỘNG MỤC (IV)		
V. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn	ı thể, tổ chi	rc trong
Trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện	n. Tổng điể	m từ 0 - 10
điểm		
1. Phần cộng điểm		
a. Có kế hoạch tổ chức các hoạt động, phong trào của lớp trong học kỳ. (+5đ)		
b. Triển khai đầy đủ thông tin hoạt động của khoa/viện, trường đến lớp, các		
thành viên trong tổ chức Đoàn. (+2đ)		
c. Tham gia đầy đủ các buổi họp và tập huấn cán bộ lớp trong học kỳ. (+3đ)		
2. Phần trừ điểm		
a. Là thành viên ban cán sự lớp quản lý sinh viên; cán bộ Đoàn Thanh niên		
nhưng thiếu trách nhiệm với tập thể lớp, thiếu trách nhiệm với Đoàn. (-5đ/lần)		

Nội dung đánh giá		Điểm do CVHT,lớp đánh giá
b. Không tham gia các buổi họp và tập huấn các cán bộ lớp. (-5đ/lần)		
CỘNG MỤC (V)		
VI. Các nội dung cộng thêm (Điểm đánh giá được quy định tại điều này được tính vào điểm đánh giá		
kết quả rèn luyện của sinh viên, nhưng không vượt quá 100 điểm).		
Sinh viên được cấp trung ương, tỉnh/thành phố khen thưởng. (+5đ)		
Sinh viên có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; khuyết tật có khó khăn về		
kinh tế; mồ côi cả cha lẫn mẹ có nghị lực phấn đấu vươn lên trong học tập.		
(+5đ)		
Sinh viên tham gia công tác hỗ trợ nhập học (trên 10 buổi) được Hiệu trưởng		
phê duyệt. (+10đ)		
CỘNG MỤC (VI)		
$T\mathring{O}NG ext{ } ext{D}\mathring{E}M: (I) + (II) + (III) + (IV) + (V) + (VI)$		

Luu ý:

- 1. Sinh viên cam kết và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác điểm kết quả học tập đã điền, chọn để đánh giá điểm rèn luyện.
- 2. Sinh viên nộp kèm các minh chứng liên quan đến việc đánh giá điểm rèn luyện.
- **3.** Sinh viên không thực hiện đánh giá điểm rèn luyện thì kết quả điểm rèn luyện bằng 0. Sinh viên có kết quả rèn luyện 02 học kỳ liên tiếp xếp loại rèn luyện Kém phải ngừng học 1 học kỳ, kết quả rèn luyện 04 kỳ liên tiếp xếp loại rèn luyện kém thì bị buộc thôi học.
- **4.** Đối với sinh viên năm cuối, học kỳ cuối cùng sẽ sử dụng kết quả học tập của học kỳ gần nhất để đánh giá rèn luyện (để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian quy định).

CÓ VẤN HỌC TẬP LỚP TRƯỞNG SINH VIÊN